

Số: /QĐ-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BGDĐT ngày 02/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-ĐHCNKT ngày 08/7/2026 của ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 552/KH-ĐHCNKT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng liên ngành, liên thông, hội nhập và ứng dụng AI;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-ĐHCNKT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành khung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếng Việt năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp số 70/BB-HĐKHĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Biên bản họp số 72/BB-HĐKHĐT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Kế toán (mã ngành 7340301)** áp dụng từ khóa tuyển sinh 2026.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ đại học là cơ sở để các đơn vị đào tạo và phòng ban liên quan lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức, sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT, KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Quách Thanh Hải

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Kế toán
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Accounting
Tên ngành đào tạo Tiếng Việt	: Kế toán
Tên ngành đào tạo Tiếng Anh	: Accounting
Mã ngành	: 7340301
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngôn ngữ đào tạo:	: Tiếng Việt

Phiên bản cập nhật năm 2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Kế toán, trình độ đại học

TT	Các thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Tên Tiếng Việt: Kế toán
		Tên Tiếng Anh: Accounting
2	Tên ngành đào tạo	Tên Tiếng Việt: Kế toán
		Tên Tiếng Anh: Accounting
3	Mã ngành	7340301
4	Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân
6	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
7	Đơn vị quản lý	Khoa Kinh tế
8	Hình thức đào tạo	Tập trung
9	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng việt
10	Khối lượng học tập	132 tín chỉ
11	Thời gian đào tạo tiêu chuẩn	4 năm
12	Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào của CTĐT)	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
13	Tiêu chí tuyển sinh	Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Công nghệ kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
14	Điều kiện tốt nghiệp	Điều kiện chung: Theo Quyết định 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 và cập nhật theo các quy định hiện hành.
15	Vị trí việc làm	Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các ngân hàng và tổ chức tín dụng, các công ty kiểm toán độc lập, các cơ quan kiểm toán nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán, các viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo về kế toán, kiểm toán. Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí như nhân viên kế toán hoặc phụ trách kế toán tại các đơn vị kế toán, trợ lý kiểm toán, nhân viên kiểm soát nội bộ, chuyên viên phân tích hệ thống thông tin kế toán; giao dịch viên, nhân viên tín dụng, chuyên viên phân tích, chuyên viên triển khai phần mềm, chuyên viên tư vấn phần mềm; giảng viên tại các cơ sở đào tạo về kế toán, kiểm toán, nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu về kế toán, kiểm toán
16	CTĐT đối sánh	CTĐT ngành kế toán của Đại học Kinh tế TP.HCM CTĐT kế toán của Trường Đại học Tài chính – Marketing
17	Mục tiêu chung	Đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán theo hướng ứng dụng hội đủ các năng lực và phẩm chất

		đáp ứng các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán sẽ có kiến thức kinh tế cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về kế toán - tài chính, có khả năng phân tích, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế, hạch toán kế toán, sử dụng các phần mềm kế toán và tổ chức bộ máy kế toán cho doanh nghiệp cũng như thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm toán số liệu kế toán tài chính; có kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; có tác phong học tập và làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để luôn đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội.
18	Chuẩn đầu ra	
18.1	Kiến thức	ELO1: Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, kinh tế, pháp luật, công nghệ thông tin và cơ sở ngành để nhận diện, phân tích các vấn đề cơ bản trong kế toán và quản trị doanh nghiệp. ELO2: Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính doanh nghiệp và hệ thống thông tin kế toán để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp. ELO3: Đánh giá và ứng dụng công nghệ, dữ liệu và công cụ phân tích để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán - tài chính
18.2	Kỹ năng	ELO4: Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế toán, kiểm toán hoặc tài chính. ELO5: Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật công nghệ và thích ứng với môi trường toàn cầu. ELO6: Phân tích vấn đề và đưa ra quyết định nghề nghiệp dựa trên dữ liệu, bằng chứng và yêu cầu thực tiễn của đơn vị.
18.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	ELO7: Vận dụng các yêu cầu pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, đạo đức kế toán - kiểm toán và trách nhiệm xã hội trong hoạt động nghề nghiệp. ELO8: Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật kiến thức, chuẩn mực, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng với môi trường làm việc thay đổi. ELO9: Đề xuất, tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến quy trình, hệ thống hoặc hoạt động kế toán - tài chính trong đơn vị.
19	Cấu trúc CTĐT	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92 tín chỉ Tổng số tín chỉ: 132 tín chỉ Thời gian đào tạo: 4 năm Bằng cấp: Cử nhân
20	Hướng dẫn thực hiện chương trình	- Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành Quy

		chế đào tạo trình độ đại học; và cập nhật theo các quy định hiện hành. - Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).
21	Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Năm 2026.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Kế toán
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Accounting
Trình độ đào tạo	: Đại học chính quy
Ngành đào tạo	: Kế toán
Mã ngành	: 7340301
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
Đơn vị quản lý	: Khoa Kinh tế

1. Thời gian đào tạo: 04 năm.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

3. Tiêu chí tuyển sinh

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT và cập nhật theo các quy định hiện hành.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các ngân hàng và tổ chức tín dụng, các công ty kiểm toán độc lập, các cơ quan kiểm toán nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán, các viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo về kế toán, kiểm toán.

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí như nhân viên kế toán hoặc phụ trách kế toán tại các đơn vị kế toán, trợ lý kiểm toán, nhân viên kiểm soát nội bộ, chuyên viên phân tích hệ thống thông tin kế toán; giao dịch viên, nhân viên tín dụng, chuyên viên phân tích, chuyên viên triển khai phần mềm, chuyên viên tư vấn phần mềm; giảng viên tại các cơ sở đào tạo về kế toán, kiểm toán, nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu về kế toán, kiểm toán.

6. Chương trình đào tạo đối sánh

CTĐT ngành kế toán của Đại học Kinh tế TP.HCM

CTĐT kế toán của Trường Đại học Tài chính – Marketing

7. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

7.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán theo hướng ứng dụng hội đủ các năng lực và phẩm chất đáp ứng các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán sẽ có kiến thức kinh tế cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về kế toán - tài chính, có khả năng phân tích, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế, hạch toán kế toán, sử dụng các phần mềm kế toán và tổ chức bộ máy kế toán cho doanh nghiệp cũng như thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm toán số liệu kế toán tài chính; có kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản

lý nhóm hiệu quả; có tác phong học tập và làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để luôn đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội

7.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, kinh tế, và pháp luật; có kiến thức chuyên sâu về Kế toán tài chính, kiểm toán để phân tích, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế, hạch toán kế toán, sử dụng các phần mềm kế toán và tổ chức bộ máy kế toán cho doanh nghiệp cũng như thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm toán số liệu kế toán tài chính.

Về kỹ năng:

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, và ứng dụng các công cụ phần mềm, giải pháp công nghệ cho các hoạt động về kế toán tài chính, kiểm toán; đồng thời có đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để luôn đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới nghề nghiệp, khởi nghiệp dịch vụ kế toán và thực hành nghề nghiệp trong môi trường số. Có tinh thần trách nhiệm cao, rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, khả năng tự học và học tập suốt đời trong môi trường toàn cầu để đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

7.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành kế toán tương ứng với thang trình độ năng lực theo bảng dưới đây:

STT	CDR (Program learning outcomes -PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PL O	
1	Kiến thức				CDR chung
PLO1	Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, kinh tế, pháp luật, công nghệ thông tin và cơ sở ngành để nhận diện, phân tích các vấn đề cơ bản trong kế toán và quản trị doanh nghiệp.	Vận dụng được kiến thức toán, thống kê, kinh tế và pháp luật để xử lý các vấn đề cơ bản trong kế toán và quản trị doanh nghiệp	PI1.1	3	CDR chuyên biệt
		Phân tích được các yếu tố kinh tế, pháp lý, công nghệ và tổ chức ảnh hưởng đến hoạt động kế toán trong đơn vị.	PI1.2	4	CDR chuyên biệt
		Tích hợp được kiến thức cơ sở ngành, công nghệ thông tin và dữ liệu để nhận diện vấn đề kế toán - tài chính trong doanh nghiệp	PI1.3	4	CDR chuyên biệt
PLO2	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính doanh nghiệp và hệ thống thông tin kế toán để giải	Phân tích và thực hiện được các nghiệp vụ kế toán tài chính, kế toán quản trị và lập báo cáo tài chính trong tình huống cụ thể.	PI2.1	4	CDR chuyên biệt
		Vận dụng được kiến thức về thuế, kiểm toán, tài chính doanh nghiệp và chuẩn mực	PI2.2	3	CDR chuyên biệt

STT	CDR (Program learning outcomes -PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PL O	
	quyết các vấn đề nghề nghiệp.	nghề nghiệp trong xử lý nghiệp vụ kế toán. Phân tích được mối liên hệ giữa kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính và hệ thống thông tin kế toán trong quản trị doanh nghiệp	PI2.3	4	CDR chuyên biệt
PLO3	Đánh giá và ứng dụng công nghệ, dữ liệu và công cụ phân tích để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	Sử dụng được phần mềm kế toán, bảng tính, hệ thống thông tin kế toán hoặc công cụ dữ liệu để xử lý thông tin kế toán - tài chính	PI3.1	3	CDR chuyên biệt
		Phân tích được dữ liệu kế toán - tài chính nhằm phát hiện vấn đề, diễn giải kết quả và hỗ trợ ra quyết định.	PI3.2	4	CDR chuyên biệt
		Đánh giá được tính phù hợp, hiệu quả và rủi ro của công cụ, phần mềm hoặc giải pháp công nghệ trong hoạt động kế toán - tài chính.	PI3.3	5	CDR chuyên biệt
2	Kỹ năng				CDR chung
PLO4	Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế toán, kiểm toán hoặc tài chính.	Thực hiện được nhiệm vụ cá nhân được phân công trong nhóm khi xử lý tình huống hoặc dự án kế toán - tài chính.	PI4.1	3	CDR chuyên biệt
		Phối hợp và trao đổi hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành báo cáo, sản phẩm hoặc nhiệm vụ chung.	PI4.2	3	CDR chuyên biệt
		Tổ chức, phân công và đánh giá được mức độ đóng góp của thành viên nhóm theo mục tiêu, tiến độ và chất lượng công việc.	PI4.3	4	CDR chuyên biệt
PLO5	Lập và trình bày được thông tin kế toán tài chính	Trình bày được thông tin kế toán - tài chính bằng hình thức nói, viết hoặc trực quan hóa dữ liệu phù hợp với mục tiêu giao tiếp.	PI5.1	3	CDR chung
		Trao đổi và phản hồi được các vấn đề chuyên môn với đồng nghiệp, nhà quản lý, khách hàng, kiểm toán viên hoặc cơ quan quản lý.	PI5.2	4	CDR chung

STT	CDR (Program learning outcomes -PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PL O	
		Sử dụng được tiếng Anh để đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, viết báo cáo ngắn và trình bày các nội dung cơ bản về kế toán - tài chính.	PI5.3	3	CDR chung
PLO6	Phân tích vấn đề và đưa ra quyết định nghề nghiệp dựa trên dữ liệu, bằng chứng và yêu cầu thực tiễn của đơn vị.	Xác định được vấn đề, yêu cầu thông tin và tiêu chí ra quyết định trong tình huống kế toán - tài chính.	PI6.1	3	CDR chung
		Phân tích và tổng hợp được dữ liệu, chứng từ, báo cáo hoặc bằng chứng nghề nghiệp để hỗ trợ quyết định.	PI6.2	4	CDR chung
		Đề xuất được phương án xử lý hoặc khuyến nghị nghề nghiệp dựa trên dữ liệu, quy định và tiêu chí phù hợp.	PI6.3	5	CDR chung
3	Mức tự chủ và trách nhiệm				
PLO7	Vận dụng các yêu cầu pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, đạo đức kế toán - kiểm toán và trách nhiệm xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.	Nhận diện được các yêu cầu pháp luật, chuẩn mực kế toán - kiểm toán, quy định thuế và trách nhiệm nghề nghiệp trong tình huống cụ thể.	PI7.1	3	CDR chung
		Vận dụng được nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, khách quan, bảo mật và trách nhiệm giải trình trong hoạt động kế toán - tài chính.	PI7.2	3	CDR chung
		Phân tích được rủi ro tuân thủ, xung đột lợi ích và tác động xã hội của quyết định kế toán - tài chính trong đơn vị.	PI7.3	4	CDR chung
PLO8	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật kiến thức, chuẩn mực, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời	Xác định được nhu cầu học tập và phát triển nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	PI8.1	3	CDR chuyên biệt
		Lập và thực hiện được kế hoạch cập nhật chuẩn mực, quy định pháp luật, phần mềm, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp.	PI8.2	4	CDR chuyên biệt
		Điều chỉnh được phương pháp học tập và làm việc để thích ứng với thay đổi của môi trường nghề nghiệp,	PI8.3	4	CDR chuyên biệt

STT	CDR (Program learning outcomes -PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PL O	
		công nghệ và hội nhập quốc tế.			
PL09	Đề xuất, tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến quy trình, hệ thống hoặc hoạt động kế toán - tài chính trong đơn vị.	Phân tích được cấu trúc, quy trình, nguồn lực, dữ liệu và rủi ro của hệ thống kế toán - tài chính trong đơn vị.	PI9.1	4	CDR chuyên biệt
		Tổ chức và vận hành được quy trình, phần mềm hoặc hệ thống kế toán - tài chính theo yêu cầu nghiệp vụ và kiểm soát nội bộ.	PI9.2	4	CDR chuyên biệt
		Đánh giá và đề xuất cải tiến được quy trình, hệ thống hoặc hoạt động kế toán - tài chính nhằm nâng cao hiệu quả, tuân thủ và chất lượng thông tin.	PI9.3	5	CDR chuyên biệt

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40			30,30
1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	14	14	0	10,61
2	Tin học ứng dụng	3	3	0	2,27
3	Kiến thức ngoại ngữ	8	8	0	6,06
4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp	6	0	6	4,55
5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn	9	9	0	6,82
	(* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)				
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	80	12	69,70
1	Nhập môn ngành	3	3	0	2,27
2	Cơ sở ngành	26	22	4	19,70
3	Chuyên ngành	53	45	8	40,15
4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành (nếu có)	2	2	0	1,52
5	Thực tập tốt nghiệp	2	2	0	1,52
6	Khoá luận tốt nghiệp	6	6	0	4,55
III	KHỐI KIẾN THỨC GDTC VÀ GDQP	8	4	4	
1	Giáo dục thể chất	5	1	4	

2	Giáo dục quốc phòng	4	4	0	
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ	4	4	0	
1	Chuyên đề doanh nghiệp	1	1	0	
2	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	3	0	
TỔNG CỘNG		132			

9. Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		40			
I.1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương		14	14		
1	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	3		LLCT130105
2	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		LLCT130105
3	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		LLCT130105
4	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		LLCT130105
5	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		LLCT130105 LLCT130205 LLCT130305 LLCT130405
6	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	3		
I.2	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)	2	1	
I.3	Kiến thức ngoại ngữ		8	8		
1	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	4		
2	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	4		
I.4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp					
Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC) trong cùng một nhóm tự chọn của 4 nhóm tự chọn sau:						
Nhóm 1: Văn hóa xã hội và phát triển			6	6	0	
N1.1	VNCD130615	Văn hóa Việt Nam và phát triển	3	3	0	
N1.2	ASCD130605	Xã hội học ứng dụng và phát triển cộng đồng	3	3	0	
Nhóm 2: Pháp luật trong môi trường kinh tế			6	6	0	
N2.1	CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	3	3	0	
N2.2	LALA337239	Pháp luật lao động	3	3	0	
Nhóm 3: Môi trường và phát triển bền vững			6	6	0	
N3.1	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	3	0	
N3.2	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	3	0	
Nhóm 4: Kỹ năng sống			6	6	0	
N4.1	BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	3	3	0	

N4.2	PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	3	3	0	
I.5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn		9	9		
	(* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)					
	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	3		
	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	3		
	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	3		
I.6	Kiến thức giáo dục đại cương khác		0	0	0	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92			
II.1	Nhập môn ngành		3			
1	INAC130107	Nhập môn ngành Kế toán	3	2	1	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành		26	26		
II.2.1	Kiến thức bắt buộc		22	22		
1	BLAW230308	Luật kinh tế	3	3		GELA220405
2	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	3		MATH130801
3	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	3		
4	MAMA330906	Quản trị Marketing	3	3		
5	ECON240206	Kinh tế học	4	4		
6	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	3		
7	RMET230310	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính và Kế toán	3	3		
II.2.2	Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong các môn sau)		4	4		
1	ORBE320106	Hành vi tổ chức	2	2		
2	CUSM321006	Quản trị quan hệ KH	2	2		
3	DECO220407	Kinh tế số	2	2		
4	INBU220508	Kinh doanh quốc tế	2	2		
5	BCUL320506	Văn hóa doanh nghiệp	2	2		
6	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	2		
7	INPA421008	Thanh toán quốc tế	2	2		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		53	53		
II.3.1	Kiến thức bắt buộc		45	43	2	
1	TAPO330407	Chính sách Thuế	3	2	1	
2	COAC331607	Kế toán chi phí	3	3		FIAC330207
3	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	3		COAC331607
4	INAC331007	Kế toán quốc tế	3	3		PRAC230407
5	FIAC330207	Kế toán tài chính 1	3	3		PRAC230407
6	FIAC330907	Kế toán tài chính 2	3	3		PRAC230407
7	FIAC430807	Lập báo cáo tài chính	3	3		FIAC330207
8	ADFA431807	Kế toán tài chính nâng cao	3	3		FIAC340907
9	AUDI430207	Kiểm toán 1	3	3		FIAC330207
10	ADAU430907	Kiểm toán 2	3	3		AUDI430207
11	ACSO430407	Phần mềm kế toán	3	2	1	FIAC340907
12	FIAN331410	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3		PRAC230407

13	DIBA331210	Ngân hàng số	3	3		
14	COFI330307	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3		
15	ADCF430307	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3		COFI330307
II.3.2	Kiến thức tự chọn		8	7	1	
1	APAC330607	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3		
2	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3	3		
3	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	3		
4	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	1	
5	ACBU331507	Anh văn chuyên ngành KT (Business English)	3	3		
6	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	3		
7	REAC321307	Lập sổ sách kế toán trên Access	2	1	1	
8	REEX321207	Lập sổ sách kế toán trên Excel	2	1	1	
II.4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành (nếu có)		2	2		
1	PRFI220210	Thực tập doanh nghiệp	2	2		
II.5	Thực tập tốt nghiệp		2	2		
1	INTE421007	Thực tập tốt nghiệp	2	2		
II.6.	Khoá luận tốt nghiệp		6	6		
1	GRAT462107	Khoá luận tốt nghiệp	6	6		
III	Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng					
III.1	Giáo dục thể chất					
1	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1			
	Sinh viên chọn học 02 học phần khác nhau trong 09 học phần lựa chọn theo danh sách dưới đây		2			
2	FOOT112330	Bóng đá	1			
3	VOLL112330	Bóng chuyền	1			
4	BASK112330	Bóng rổ	1			
5	BADM112330	Cầu lông	1			
6	TENN112330	Quần vợt	1			
7	KARA112330	Không thủ đạo	1			
8	CHES112330	Cờ vua	1			
9	PICK112330	Pickleball	1			
10	CHIN112330	Cờ tướng	1			
III.2	Giáo dục quốc phòng					
1	GDQP110131	Giáo dục quốc phòng 1	1			
2	GDQP110231	Giáo dục quốc phòng 2	1			
3	GDQP110331	Giáo dục quốc phòng 3	1			
4	GDQP110431	Giáo dục quốc phòng 4	1			
IV	Chuyên đề bổ trợ					
1	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1			
2	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3			

(*) Giải thích chữ viết tắt: học phần (HP), lý thuyết (LT), thí nghiệm (TN), thực hành (TH), thực tập (TT).

10. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không ghép vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	Điều kiện môn học tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105*
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT120205*
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT120205*
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT120405*, LLCT120314*
5.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	
6.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	
...		Giáo dục thể chất		
		Giáo dục Quốc phòng		
	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số		
	Tổng		16	

Bố trí các môn học trong 8 học kỳ:

Học kỳ 1

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	INAC130107	Nhập môn ngành Kế toán	3 (2+1)	1	
2.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	2	
3.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	1	
4.	ECON240206	Kinh tế học	4	2	
5.	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)	2	
Tổng			16		

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	1	MATH132701
2.	BLAW230308	Luật kinh tế	3	1	GELA236939
3.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	1	
4.	MAMA330906	Quản trị Marketing	3	2	
5.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	2	
6.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1			Không tính vào số TC của CTĐT
7.	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp. Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC) trong cùng một nhóm tự chọn của 4 nhóm tự chọn sau:		6		
	Nhóm 1: văn hóa xã hội và phát triển		6		

	VNCD130615	Văn hóa và phát triển	3	2	
	ASCD130605	Xã hội học và phát triển cộng đồng	3	2	
	Nhóm 2: Pháp luật trong môi trường kinh tế		6		
	CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	3	2	
	LALA337239	Pháp luật lao động	3	2	
	Nhóm 3: Môi trường và phát triển bền vững		6		
	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	2	
	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	2	
	Nhóm 4: Kỹ năng sống		6		
	BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	3	2	
	PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	3	2	
	Tổng		21		

Học kỳ 3:

T T	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước
1.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	1	MATH132801
2.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	1	
3.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	1	MATH132801
4.		Tự chọn cơ sở ngành (Nhóm A)	2	1	
	ORBE320106	Hành vi tổ chức	2		
	CUSM321006	Quản trị quan hệ KH	2		
	DECO220407	Kinh tế số	2		
5.	RMET230310	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính và Kế toán	3	1	
6.	FIAC330207	Kế toán tài chính 1	3	2	PRAC230407
7.		Tự chọn cơ sở ngành (Nhóm A)	2	2	
	INBU220508	Kinh doanh quốc tế	2		
	BCUL320506	Văn hóa doanh nghiệp	2		
	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2		
	INPA421008	Thanh toán quốc tế	2		
	Tổng		19		

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước
1.	TAPO330407	Chính sách Thuế	3	1	PRAC230407
2.	DIBA331210	Ngân hàng số	3	1	
3.	COFI330307	Tài chính doanh nghiệp 1	3	2	
4.	FIAC330907	Kế toán tài chính 2	3	1	PRAC230407
5.	PRFI220210	Thực tập doanh nghiệp	2	2	Môn học liên kết DN
	Tổng		14		

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước
-----------	--------------	---------------	--------------	------------	--------------------

1.	ADCF430307	Tài chính doanh nghiệp 2	3	1	COFI330307
		Tự chọn chuyên ngành (nhóm B)	5	1	
2.	APAC330607	Kế toán hành chính sự nghiệp	3		PRAC230407
3.	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3		PRAC230407
4.	REAC321307	Lập sổ sách kế toán trên Access	2		PRAC230407 Môn học project-based
5.	REEX321207	Lập sổ sách kế toán trên Excel	2		PRAC230407 Môn học project-based
6.	COAC331607	Kế toán chi phí	3	2	PRAC230407
7.	AUDI430207	Kiểm toán 1	3	2	PRAC230407
8.	INAC331007	Kế toán quốc tế	3	2	
Tổng			17		

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	ADFA431807	Kế toán tài chính nâng cao	3	1	FIAC330907
2.	ADAU430907	Kiểm toán 2	3	1	AUDI430207
3.	FIAN331410	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	1	PRAC230407
4.	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	2	COAC331607
5.	ACSO430407	Phần mềm kế toán	3 (2+1)	2	FIAC330207 Môn học liên kết DN
6.	FIAC430807	Lập báo cáo tài chính	3	2	FIAC330207
		Tự chọn chuyên ngành	3	2	
7.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3 (2+1)		
8.	ACBU331507	Anh văn chuyên ngành kinh tế (Business English)	3		
9.	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3		
10.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3		
Tổng			21		

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	INTE421007	Thực tập tốt nghiệp	2	1 và 2	Sinh viên năm 3,4
Tổng			2		

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	GRAT462107	Khóa luận tốt nghiệp	6	1 và 2	Sinh viên năm 4
Tổng			6		

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn ra của mỗi học phần và CTĐT.

11.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, đánh giá mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- CTĐT thực hiện theo Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).

- CTĐT thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Đơn vị quản ngành phân công giảng viên giảng dạy các học phần theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

- Tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập các học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo, các quy chế và quy định hiện hành có liên quan của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Lập kế hoạch, đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

- Giờ quy định được tính như sau: 01 tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. 01 tiết học được tính bằng 50 phút.

13. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

13.1 Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện duy trì ngành.

13.2 Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở vật chất: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Sinh viên ngành Kế toán chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học trong chương trình đào tạo, như các phòng sau đây: A2-101A, A2-101B, A3-101, A-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B, A4-101, A4-102.

Học liệu:

- Thư viện Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://thuvien.hcmute.edu.vn/>
- Khoa Kinh tế Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://www.hcmute.edu.vn/>
- Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Quốc Dân: www.lic.neu.edu.vn
- Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn
- Tạp chí Phát triển kinh tế: www.tcptkt.ueh.edu.vn
- Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn
- Thời báo kinh tế Sài Gòn: www.thesaigontimes.vn
- Thư viện pháp luật: <http://thuvienphapluat.vn/>
- Văn bản pháp luật: <http://www.vanbanphapluat.com/>
- Hội kế toán Việt Nam: www.vaa-hcmc.org.vn/
- Tạp chí kế toán: www.tapchiketoan.com/
- Hội kiểm toán hành nghề Việt Nam: www.vacpa.org.vn/
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: www.sbv.gov.vn/
- Danh mục trang web xem trong bộ đề cương chi tiết.

14. Kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

15. Thời gian ban hành/cập nhật bản mô tả CTĐT: năm 2026.

16. Các phụ lục chương trình đào tạo

- Phụ lục I. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học.
- Phụ lục II: Ma trận các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT (theo Biểu mẫu 3A - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).
- Phụ lục III: Ma trận tương quan chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn CDIO (theo Biểu mẫu 3B - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Khắc Hiếu

TS. Quách Thanh Hải

PHỤ LỤC I
MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Triết học Mác-Lênin (Fundamentals of Marxism- Leninism)

Số TC: 3

- Mã môn học: LLCT130105
- Phân bổ thời gian học tập: 3(3/0/6)
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học mác - lenin, và vai trò của triết học mác - lenin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economy of Marxism- Leninism)

Số TC: 2

- Mã môn học: llct120205
- Phân bổ thời gian học tập: 2(2/0/4)
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị mác - lenin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị mác - lenin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở việt nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của việt nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

Số TC: 2

- Mã môn học: LLCT120405
- Phân bổ thời gian học tập: 2(2/0/4)
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Hochiminh's Ideology)

Số TC: 2

- Mã môn học: LLCT120314
- Phân bổ thời gian học tập: 2(2/0/4)
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng hồ chí minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng hồ chí minh; tư tưởng hồ chí minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đảng cộng sản việt nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, con người; đạo đức.

5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam) Số TC: 2

- Mã môn học: LLCT220514
- Phân bổ thời gian học tập: 2(2/0/4)
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của đảng (1920-1930), quá trình đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với

đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Pháp luật đại cương (Principles of Law)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

7. Tin học ứng dụng (Applied Computer)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2, 1, 6)

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị các kiến thức chuyên sâu của MS Excel nâng cao. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức tin học ứng dụng trong kinh tế: các hàm toán tài chính, các hàm toán thống kê... ứng dụng trong việc đánh giá các dự án, phân tích độ nhạy các dự án, định giá các công cụ tài chính, cũng như cách thức, phương pháp tổ chức lưu trữ dữ liệu, truy vấn thông tin và lập báo cáo theo yêu cầu.

8. Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp

Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học phần:* 4 (4/0/8)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Môn học trước:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Phát triển kỹ năng Nói và Nghe ở trình độ A2 (CEFR). Mục tiêu của môn học là nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống đời sống hàng ngày. Sinh viên hiểu và sử dụng các câu tiếng Anh đơn giản, thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản, đồng thời phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tự chủ thông qua thông qua các hoạt động thực tế

9. Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp 4 tín chỉ

- *Phân bố thời gian học phần:* 4 (4/0/8)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Môn học trước:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Phát triển kỹ năng Nói và Nghe ở trình độ B1 (CEFR). Mục tiêu là trang bị cho Sinh viên khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày ở các quốc gia nói tiếng Anh và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc như công việc, trường học và giải trí. Sinh viên có thể giao tiếp cơ bản, mô tả trải nghiệm, ước mơ và giải thích ngắn gọn các ý tưởng và kế hoạch. Môn học cũng nâng cao kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm thông qua các hoạt động thực tế

10. Toán kinh tế 1 (Mathematical Economics 1)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

11. Toán kinh tế 2 (Mathematical Economics 2)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)

- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

12. Xác suất thống kê ứng dụng (Applied Probabilities and Statistics)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
 - *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1
- Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm : Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

13. Nhập môn ngành kế toán (Introduction to Accounting)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2,1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Kế toán cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

14. Luật kinh tế (Economic Law)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu ích về doanh nghiệp như vấn đề thành lập, hoạt động, tổ chức quản lý, giải thể, phá sản của các loại hình doanh nghiệp, bản chất pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các quy định pháp lý hiện hành về hợp đồng kinh tế ở Việt Nam như nội dung HĐKT – ký kết HĐKT – thực hiện HĐKT – các biện pháp thế chấp, cầm cố và bảo lãnh tài sản trong quan hệ HĐKT – Xử lý vi phạm HĐKT – Thanh lý, thay đổi và đình chỉ HĐKT – HĐKT vô hiệu và xử lý HĐKT vô hiệu ở Việt Nam; các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp theo con đường tòa án và trọng tài thương mại: trình tự, thủ tục giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm một tranh chấp tại Tòa án, tổ chức và hoạt động của trọng tài thương mại, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại, thi hành bản án, quyết định của tòa án, trọng tài tại Việt Nam...

15. Tối ưu hóa (Optimization)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

16. Nguyên lý kế toán (Principle of Accounting)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán, lập và diễn dịch các báo cáo tài chính.

17 Quản trị marketing (Marketing Management)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị marketing là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn

vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing đã chọn, doanh nghiệp phải cụ thể hóa chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing liên hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

18. Kinh tế học **Số TC:04**

- Phân bố thời gian học tập: 4 (4,0, 8)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

18. Quản trị học căn bản (Fundamental Management) **Số TC: 03**

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

19. Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính và kế toán (Research Methods in Financial and Accounting) **Số TC:02**

- Phân bố thời gian học tập: 2 (1,1, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học từ đó xác định được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.

20. Chính sách thuế (Tax policy) **Số TC: 03**

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2,1, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp cho sinh viên hiểu được khái quát toàn bộ hệ thống thuế Việt nam hiện hành, đặc điểm, cơ cấu một sắc thuế, xu hướng cải cách thuế Việt nam và thế giới. Ngoài ra học phần còn đi sâu giới thiệu chi tiết một số sắc thuế chủ yếu.

21. Kế toán chi phí (Cost Accounting) **Số TC: 03**

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cho thấy vai trò của nhà quản lý và của kế toán viên trong quản lý chi phí ở một tổ chức, và kế toán chi phí làm thế nào để giúp nhà quản lý trong việc hoạch định và kiểm soát chi phí. Thông tin do kế toán chi phí cung cấp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị là chủ yếu, ngoài ra nó còn cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán chi phí, về phân loại chi phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo 3 mô hình: kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản

phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính và mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.

22. Kế toán quản trị (Management Accounting)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ.

23. Kế toán quốc tế (International Accounting)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp một số kiến thức cơ bản liên quan tới việc tổ chức thực hiện hệ thống kế toán quốc tế hiện đại. Thông qua môn học này sẽ giúp cho người học có cơ sở đối chiếu hệ thống kế toán Việt Nam với hệ thống kế toán Mỹ nhằm rút ra những vấn đề cần học tập để phát triển kế toán Việt Nam đồng thời còn giúp sinh viên tiếp cận với Anh ngữ chuyên ngành.

24. Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting A1)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động kinh doanh như tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, qua đó lập bảng cân đối kế toán.

25. Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting A2)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động sản xuất, tính giá thành sản phẩm; giao dịch ngoại tệ, xây dựng cơ bản; bất động sản đầu tư; đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn,...

26. Lập Báo cáo tài chính (Preparing and Presenting Financial Report)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2,1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động sản xuất, tính giá thành sản phẩm; giao dịch ngoại tệ, xây dựng cơ bản; bất động sản đầu tư; đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn,... Lập và trình bày Báo cáo tài chính nhằm cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán để đề ra các quyết định kinh tế.

27. Kế toán tài chính nâng cao (Advanced Financial Accounting)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Hệ thống hóa kiến thức của các học phần kế toán tài chính A1, A2, A3 cũng như trang bị thêm các kiến thức nâng cao trong kế toán tài chính: kế toán đầu tư tài chính, kế toán nghiệp vụ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, lập báo cáo tài chính hợp nhất,...

28. Kiểm toán 1 (Auditing 1)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.

29. Kiểm toán 2 (Auditing 2)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này tập trung vào việc áp dụng các hiểu biết căn bản đã được trình bày trong học phần Kiểm toán 1 vào việc thực hiện kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính, bao gồm việc vận dụng các chuẩn mực kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp đối với các khoản mục trên báo cáo tài chính. Ngoài ra, học phần mở rộng trình bày các dịch vụ khác do doanh nghiệp kiểm toán cung cấp, cũng như hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước.

30. Phần mềm kế toán (Accounting Software)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2,1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp sinh viên nắm rõ công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp và kỹ năng ứng dụng các phần mềm thực hiện công việc kế toán trong doanh nghiệp.

31. Phân tích tài chính doanh nghiệp (Business Analysis)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính như: nội dung phân tích, tiến trình phân tích, các công cụ, kỹ thuật phân tích nhằm đánh giá một cách sâu, rộng tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính; người học cũng được trang bị kiến thức lập dự báo các báo cáo tài chính doanh nghiệp cho những năm hoạt động tiếp theo làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý doanh nghiệp lẫn các chủ thể bên trong và bên ngoài doanh nghiệp nhằm sử dụng hiệu quả các thông tin từ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư, cho vay, quản lý, tư vấn khách hàng...

32. Ngân hàng số (Digital Banking)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: Đại cương về ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ tài chính, các nghiệp vụ sinh lợi khác; các công cụ thanh toán sử dụng trong các dịch vụ thanh toán của ngân hàng. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Ngân hàng số như: Đại cương về ngân hàng số; Các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng số; Các quy trình và cách thức triển khai các sản phẩm, dịch vụ số hóa trong ngân hàng; Rủi ro trong hoạt động của ngân hàng số; Các công nghệ được áp dụng trong việc quản lý và vận hành nghiệp vụ ngân hàng số. Sau khi học xong môn học này người học biết được hoạt động thực tế của ngân hàng số, từ đó chuẩn bị tốt cho công việc về sau.

33. Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần: khái niệm và những quyết định chủ yếu trong tài chính doanh nghiệp; ứng dụng phương pháp tính giá trị tiền tệ theo thời gian, phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro, phương pháp định giá chứng khoán ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học

những kiến thức và công cụ phân tích và định giá nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp.

34. Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần, bao gồm: quyết định đầu tư tài sản lưu động, quyết định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, quyết định về chính sách cổ tức của công ty, quyết định sáp nhập và thu mua, quyết định về quản lý rủi ro tài chính ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, để có thể phân tích và đưa ra các quyết định này một cách đúng đắn đòi hỏi người học cần phải kết hợp với các kiến thức đã học ở học phần Tài chính doanh nghiệp 1.

35. Thực tập doanh nghiệp (Practicing Accounting)

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 2, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm 2 trở lên
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng ký tham gia kiến tập tại các công ty. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp. Mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp giúp sinh viên bước đầu làm quen với việc thực hiện 1 báo cáo khoa học.

36. Thực tập tốt nghiệp (Final Internship)

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 2, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 4
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

37. Khóa luận tốt nghiệp (Final Thesis)

Số TC: 6

- *Phân bố thời gian học tập:* 5 (0,5,10)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng ký đề tài và hoàn thành đề tài theo kế hoạch học vụ của mình dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Khóa luận tốt nghiệp là các đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết một vấn đề kế toán, tài chính... cụ thể mang tính thực tế liên quan đến ngành học do sinh viên tự chọn hoặc theo gợi ý của giáo viên hướng dẫn. Nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề liên quan đến ngành học cụ thể trong thực tế.

38. Hành vi tổ chức (Organisation's behavior)

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

39. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning ERP)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2, 1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 3
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này sinh viên có khái niệm cơ bản và chức năng của ERP từ đó ứng dụng ERP trong thực tiễn như từ việc theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cả kế toán và thuế) và quản trị nhân sự.

- 40. Anh văn chuyên ngành kinh tế (Business English)** **Số TC: 03**
- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Cung cấp vốn từ vựng chuyên ngành kinh tế (kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng,...) cho các công việc đòi hỏi sử dụng tiếng Anh trong quá trình làm việc. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học những kỹ năng viết và nói và đọc hiểu được các nghiệp vụ trong lĩnh vực thương mại,...
- 41. Thị trường chứng khoán (Security Market)** **Số TC: 03**
- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường chứng khoán như: Lý luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; phân tích và đầu tư chứng khoán, thị trường trái phiếu quốc tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia trên thị trường. Tìm hiểu về các công cụ lưu thông trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán phái sinh.
- 42. Thanh toán quốc tế (International Payments)** **Số TC: 02**
- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 2)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế.
- 43. Kế toán ngân hàng (Banking Accounting)** **Số TC: 03**
- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ kế toán trong lĩnh vực ngân hàng. Giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng. Sinh viên biết hạch toán một số nghiệp vụ ngân hàng như: nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, tài sản cố định và công cụ lao động, kinh doanh ngoại tệ-vàng bạc-thanh toán quốc tế, kết quả kinh doanh. Nâng cao kỹ năng vận dụng lý thuyết và xử lý thực tế cho các sinh viên về các nghiệp vụ kế toán ngân hàng...
- 44. Kế toán hành chính sự nghiệp (Administrative and Public Accounting)** **Số TC: 03**
- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp: Kế toán tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán; Kế toán nguồn kinh phí; Kế toán các khoản thu, chi; Quyết toán kinh phí và hệ thống báo cáo tài chính.
- 45. Lập sổ sách kế toán trên Excel (Applied Excel in Accounting)** **Số TC: 02**
- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (1,1, 4)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về sắp xếp, phân tích, đánh giá dữ liệu và kiểm soát dữ liệu trong kế toán, tổ chức cơ sở dữ liệu trên Excel, cách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào cơ sở dữ liệu, thiết kế các biểu mẫu sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính cũng như cách lập hàm Excel cho từng loại sổ sách, báo cáo kế toán, cách chuyển dữ liệu kế toán từ kì này sang kì kế toán mới. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học nắm vững các quy tắc ghi chép sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài Chính, các nguyên tắc chung khi lập công thức cho biểu mẫu sổ sách, báo cáo cũng như các thủ thuật Excel để người học có thể ứng dụng lập các biểu mẫu báo cáo sổ sách phù hợp theo yêu cầu của quản lý doanh nghiệp.

- 46. Lập sổ sách kế toán trên Access (Applied Access in Accounting)** **Số TC: 02**
- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (1,1, 4)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về sắp xếp, phân tích, đánh giá dữ liệu và kiểm soát dữ liệu trong kế toán, tổ chức cơ sở dữ liệu trên Access, cách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào cơ sở dữ liệu, thiết kế các biểu mẫu sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính cũng như cách lập hàm Access cho từng loại sổ sách, báo cáo kế toán, cách chuyển dữ liệu kế toán từ kì này sang kì kế toán mới trên Access. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học nắm vững các quy tắc ghi chép sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài Chính, các nguyên tắc chung khi lập công thức cho biểu mẫu sổ sách, báo cáo cũng như các thủ thuật Access để người học có thể ứng dụng lập các biểu mẫu báo cáo sổ sách phù hợp theo yêu cầu của quản lý doanh nghiệp.
- 47 Kế hoạch khởi nghiệp (Start-up Planning)** **Số TC:02**
- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch khởi nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch khởi nghiệp cơ bản, giúp khơi gợi tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên.
- 48. Kinh tế số (Digital Economics)** **Số TC: 02**
- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2/0/4)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số. Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.
- 49. Kinh doanh quốc tế (International Business)** **Số TC: 02**
- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hóa. Các kiến thức được cung cấp một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật nhằm đáp ứng được những thay đổi từng ngày của hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.
- 50. Văn hóa doanh nghiệp (Corporate's Culture)** **Số TC:02**
- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Văn hóa doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa cũng như những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp đó.
- 51. Quản trị ngoại thương (Foreign trade management)** **Số TC:03**
- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0, 6)
 - *Điều kiện tiên quyết:*
 - *Tóm tắt nội dung học phần*
- Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương

mại quốc tế, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế... Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.

PHỤ LỤC II
MA TRẬN CÁC HỌC PHẦN ĐÁP ỨNG CĐR CỦA CTĐT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

[illegible]

[illegible]

PLO/PI		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																											Số lượng CDR/ Môn học tham gia đóng góp
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PL07			PL08			PL09			
		PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 5.1	PI 5.2	PI 5.3	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 6.3	
GRAT462107	Khóa luận tốt nghiệp						5					5								4			4		4			5	
Số lượng môn học/PI		7	4	9	14	1	5	8	4	8	5	3	6	7	2	5	3	3	1	4	1	4	3	2	2	2	2		
Mức năng lực cao nhất		4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	5	3	4	4	4	3	3	3	3	4	3	3	4	4	4	4		

CDR CDIO		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
		Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, kinh tế, pháp luật, công nghệ thông tin và cơ sở ngành để nhận diện, phân tích các vấn đề cơ bản trong kế toán và quản trị doanh nghiệp.	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính doanh nghiệp và hệ thống thông tin kế toán để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	Đánh giá và ứng dụng công nghệ, dữ liệu và công cụ phân tích để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế toán, kiểm toán hoặc tài chính.	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật công nghệ và thích ứng với môi trường toàn cầu.	Phân tích vấn đề và đưa ra quyết định nghề nghiệp dựa trên dữ liệu, bằng chứng và yêu cầu thực tiễn của đơn vị.	Vận dụng các yêu cầu pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, đạo đức kế toán - kiểm toán và trách nhiệm xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật kiến thức, chuẩn mực, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.	Đề xuất, tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến quy trình, hệ thống hoặc hoạt động kế toán - tài chính trong đơn vị.
3.2	<Giao tiếp>		x							
3.3	<Giao tiếp bằng ngoại ngữ>		x							
4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường - quá trình sáng tạo									
4.1	<Bối cảnh bên ngoài và xã hội>	x								
4.2	<Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh>		x							
4.3	<Hình thành ý tưởng và xây dựng các hệ thống>	x								

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, kinh tế, pháp luật, công nghệ thông tin và cơ sở ngành để nhận diện, phân tích các vấn đề cơ bản trong kế toán và quản trị doanh nghiệp.	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính doanh nghiệp và hệ thống thông tin kế toán để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	Đánh giá và ứng dụng công nghệ, dữ liệu và công cụ phân tích để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế toán, kiểm toán hoặc tài chính.	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật công nghệ và thích ứng với môi trường toàn cầu.	Phân tích vấn đề và đưa ra quyết định nghề nghiệp dựa trên dữ liệu, bằng chứng và yêu cầu thực tiễn của đơn vị.	Vận dụng các yêu cầu pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, đạo đức kế toán - kiểm toán và trách nhiệm xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật kiến thức, chuẩn mực, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.	Đề xuất, tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến quy trình, hệ thống hoặc hoạt động kế toán - tài chính trong đơn vị.
4.4	<Thiết kế>									
4.5	<Triển khai>							x		
4.6	<Vận hành>								x	
4.7	<Nỗ lực trong lãnh đạo kỹ thuật>									x
4.8	<Sáng nghiệp trong kỹ thuật>									x

./.